TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ - PT
Ngày 16/10/2019
V/v *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vân;

*Các Thẩm phán:*Ông Vũ Minh Quán và ông Lương Văn Đài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn"* do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị bị đơn chị Nguyễn Thu T kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2019/QĐ-PT ngày 30/9/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Anh Ngô Văn B.

Địa chỉ: Đường Quang Thái, tổ 12, phường Nam Cường, thành phố L, tỉnh Lào Cai.Có mặt.

*2. Bị đơn:*Chị Nguyễn Thu T

Địa chỉ: Số nhà 01A, ngõ 53 B, quận L, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Ngọc G. Địa chỉ: Văn phòng luật sư Hồng Giang - Chi nhánh Lào Cai, số 087, đường T, phường D Hải, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Ngô Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thu T kết hôn ngày 07 tháng 12 năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Đến tháng 06/2016 chị T đi ôn thi cao học tại Hà Nội và đã tự ý bỏ việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai . Kể từ đó chị T không có trách nhiệm gì với gia đình. Từ tháng 10/2016 đến nay anh, chị không sống chung, không quan hệ về tình cảm. Và từ tháng 12/2018 đến nay chị T không về nhà thăm nom con chung. Anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống anh Ngô Văn B và chị Nguyễn Thu T có 01 con chung là cháu Ngô An D, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2013. Anh B đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Ngô Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T nhất trí với trình bày của anh Bắc về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồn g quan điểm sống . Từ tháng 09/2016 đến nay chị T đi học nên vợ chồng không sống chung , không ai quan tâm và trách nhiệm với ai. Chị T nhất trí yêu cầu ly hôn của anh B.

Về quan hệ con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô An D, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2013. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi con , không yêu cầu anh Ngô Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Văn B và chị Nguyễn Thu T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Ngô An D, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2013 cho anh Ngô Văn B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng , trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thu T không phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền thăm nom, chăm sóc con chung, về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 16/7/2019, bị đơn chị Nguyễn Thu T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với phần trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết giao con chung là cháu Ngô An D cho chị Nguyễn Thu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Ngô Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Ngô Văn B và chị Nguyễn Thu T tự thỏa thuận với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con sau khi ly hôn và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như sau: Anh Ngô Văn B đồng ý giao cháu Ngô An D, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2013 cho chị Nguyễn Thu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đến tuổi trưởng thành, anh Ngô Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 300 Bộ Luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thu T nộp trong hạn luật định và hợp lệ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bản án sơ thẩm đã quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Văn B và chị Nguyễn Thu T. Sau khi xét xử các đương sự không có kháng cáo về phần quan hệ hôn nhân, vì vậy bản án sơ thẩm về phần quan hệ hôn nhân có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của Bị đơn chị Nguyễn Thu T:

Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Nguyễn Thu T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần quan hệ con chung, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung của chị T và anh Bắc là cháu Ngô An D cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

[3.1] Xét điều kiện vật chất để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của anh Ngô Văn B và chị Nguyễn Thu T:

Quá trình giải quyết vụ án, anh Ngô Văn B đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh mình có điều kiện vật chất tốt để có thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cụ thể anh Bắc hiện đang là Giáo viên Trường Trung học phổ thông và trung học cơ sở số 2, Tả Phời, thành phố L, tỉnh Lào Cai với mức thu nhập hàng tháng khoảng 9.400.000 đồng *(Chín triệu bốn trăm nghìn đồng)*. Ngoài ra, anh Bắc có nơi ở ổn định tại tổ 12, phường Nam Cường, thành phố L (anh Bắc đã được cấp GCNQSDĐ và xây dựng nhà trên đất).

Chị Nguyễn Thu T hiện là bác sỹ, công tác tại Bệnh viện đa khoa Tâm Anh, địa chỉ: 108 Hoàng Như Tiếp, phường B, quận L, thành phố Hà Nội với mức thu nhập từ lương hàng tháng khoảng 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)*. Hiện nay chị T thuê nhà ở tại số 01A ngõ 53, B, quận L, thành phố Hà Nội.

Như vậy, xét về điều kiện vật chất để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Ngô An D thì cả anh Ngô Văn B và chị Nguyễn Thu T đều có đủ điều kiện để có thể nuôi dưỡng cháu D trưởng thành. Mặc dù hiện tại chị T đang sinh sống, làm việc tại Hà Nội, chị T đang thuê nhà để ở nhưng việc thuê nhà có lập Hợp đồng với thời hạn đến năm 2021 và chị T có mức thu nhập khá cao nên có thể đảm bảo về điều kiện sinh sống, sinh hoạt cho cháu D.

[3.2] Xét sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm anh Ngô Văn B và chị Nguyễn Thu T tự thỏa thuận với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con sau khi ly hôn. Anh Ngô Văn B đồng ý giao cháu Ngô An D, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2013 cho chị Nguyễn Thu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đến tuổi trưởng thành, anh Ngô Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí: Các đương sự tự thỏa thuận chị Nguyễn Thu T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Sửa bản án sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L như sau:

- Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Ngô An D, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2013 cho chị Nguyễn Thu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu D đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Ngô Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Bắc có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Nguyễn Thu T không được cản trở.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0006231 ngày 02/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khánh Vân